

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch kiêm Thường trực	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
	Thành viên Thường trực	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Nghĩa Đan	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Quang Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Thành viên Thường trực	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Từ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017
Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Lộc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	
Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên	
Ông Phạm Tường Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Quang Hùng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quang Định	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quang Định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

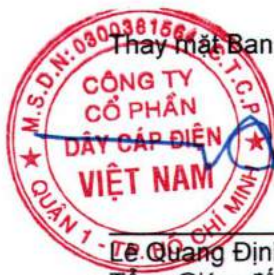
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Le Quang Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61348213/19408918

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 2 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 2 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 6 tháng 3 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-01

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.463.797.900.112	1.218.883.839.166
110	I. Tiền	4	102.459.663.879	69.840.553.073
111	1. Tiền		102.459.663.879	69.840.553.073
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	139.524.375.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		139.524.375.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		600.523.750.779	609.428.933.369
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	607.682.552.440	612.268.992.113
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	30.797.956.796	18.434.735.745
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		1.608.056.154	6.033.943.741
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(39.564.814.611)	(27.308.738.230)
140	IV. Hàng tồn kho	8	613.390.335.870	533.519.186.707
141	1. Hàng tồn kho		626.173.443.609	536.596.773.914
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.783.107.739)	(3.077.587.207)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.899.774.584	6.095.166.017
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	7.899.774.584	3.170.669.375
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.924.496.642
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.136.205.508.731	725.483.856.140
210	I. Phải thu dài hạn		-	395.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	395.000.000
220	II. Tài sản cố định		475.049.814.580	294.046.948.234
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	428.287.765.330	248.788.981.828
222	Nguyên giá		850.877.221.385	629.940.058.374
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(422.589.456.055)	(381.151.076.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	46.762.049.250	45.257.966.406
228	Nguyên giá		57.028.488.151	55.241.062.899
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.266.438.901)	(9.983.096.493)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	150.360.762.506	226.233.372.527
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		150.360.762.506	226.233.372.527
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	404.879.874.312	109.752.882.762
251	1. Đầu tư vào các công ty con		400.000.000.000	105.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.879.874.312	5.139.874.312
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(386.991.550)
260	V. Tài sản dài hạn khác		105.915.057.333	95.055.652.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	105.815.590.562	94.648.714.262
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	99.466.771	406.938.355
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.600.003.408.843	1.944.367.695.306

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.373.530.580.930	1.240.494.416.090
310	I. Nợ ngắn hạn		1.241.992.799.760	1.126.787.568.802
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	352.871.226.408	280.737.481.077
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	69.594.395.631	20.348.260.233
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	16.051.033.576	12.837.204.689
314	4. Phải trả người lao động		37.663.663.046	40.692.342.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		11.733.268.914	9.431.344.315
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	208.861.826.116	221.111.626.249
320	7. Vay ngắn hạn	19	514.100.028.491	504.367.473.797
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	10.931.633.094	19.211.206.740
322	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		20.185.724.484	18.050.628.868
330	II. Nợ dài hạn		131.537.781.170	113.706.847.288
338	1. Vay dài hạn	19	104.799.837.689	96.754.591.005
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	26.737.943.481	16.952.256.283
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.226.472.827.913	703.873.279.216
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.226.472.827.913	703.873.279.216
411	1. Vốn cổ phần		576.000.000.000	288.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		576.000.000.000	288.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		330.908.090.000	43.234.340.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		108.113.062.534	108.113.062.534
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		211.451.675.379	264.525.876.682
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.832.937.565	55.734.037.307
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		192.618.737.814	208.791.839.375
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.600.003.408.843	1.944.367.695.306

Nguyễn Chí Đức
Người lập

Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	5.544.627.926.339	4.452.674.594.950
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(84.854.749.668)	(89.059.274.061)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	5.459.773.176.671	4.363.615.320.889
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	(4.958.778.225.812)	(3.920.246.501.202)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		500.994.950.859	443.368.819.687
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	95.530.708.826	59.016.730.238
22	7. Chi phí tài chính	23	(50.065.086.764)	(47.774.334.277)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(28.742.015.969)	(23.316.904.551)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(70.347.616.246)	(66.856.730.089)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(114.113.108.645)	(98.248.453.151)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		361.999.848.030	289.506.032.408
31	11. Thu nhập khác		4.546.106.112	6.490.282.270
32	12. Chi phí khác		(2.209.935.826)	(24.962.013.614)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		2.336.170.286	(18.471.731.344)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		364.336.018.316	271.034.301.064
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(56.209.808.918)	(46.489.354.454)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.1	(307.471.584)	(753.107.235)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		307.818.737.814	223.791.839.375

Nguyễn Chí Đức
Người lập

Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		364.336.018.316	271.034.301.064
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	9, 10	48.883.377.468	40.227.956.335
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		21.574.605.363	(1.814.133.682)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(142.871.055)	655.174.251
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(93.448.257.872)	(54.390.285.913)
06	Chi phí lãi vay	23	28.742.015.969	23.316.904.551
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		369.944.888.189	279.029.916.606
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.466.429.660	(22.144.801.525)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(89.576.669.695)	75.116.500.212
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		102.612.828.873	(116.758.481.109)
12	Tăng chi phí trả trước		(15.895.981.509)	(27.835.600.192)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		(139.524.375.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(28.609.888.762)	(25.771.130.268)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(57.894.052.974)	(52.903.111.400)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	1.480.460.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.198.895.969)	(25.313.252.735)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		111.324.282.813	84.900.499.589
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(154.013.633.793)	(265.232.686.601)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	2.381.906.080
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	(295.000.000.000)	(5.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		260.000.000	4.995.833.299
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		93.458.257.872	56.490.763.180
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(355.295.375.921)	(206.364.184.042)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu thuần từ phát hành cổ phiếu		574.199.790.000	-
33	Tiền vay nhận được	19	2.452.766.555.332	1.873.617.911.878
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(2.434.988.753.954)	(1.781.021.136.814)
36	Cổ tức đã trả	20.5	(315.759.507.500)	(86.680.532.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		276.218.083.878	5.916.243.064
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		32.246.990.770	(115.547.441.389)
60	Tiền đầu năm		69.840.553.073	184.896.436.138
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		372.120.036	491.558.324
70	Tiền cuối năm	4	102.459.663.879	69.840.553.073



Nguyễn Chí Đức
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng





Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 773 (31 tháng 12 năm 2016 là: 790).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã mua và được trích hao mòn theo thời hạn mua, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 39 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Cụ thể, khoản dự phòng bảo hành được trích lập bằng 5% giá trị hợp đồng theo Thư bảo lãnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông Thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	101.402.689.472	69.077.746.476
Tiền mặt	1.056.974.407	762.806.597
TỔNG CỘNG	102.459.663.879	69.840.553.073

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu với chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành	Số lượng	Giá trị VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	135	<u>139.524.375.000</u>	9,5%	Kỳ hạn 2 năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn gốc vào ngày 21 tháng 2 năm 2019

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Phải thu từ các bên khác	550.413.032.645	478.696.949.981
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	160.319.643.824	69.889.347.336
- Công ty TNHH Thiết Bị Điện Quý Dân	75.399.049.766	81.560.079.146
- Công ty Cổ phần Điện Máy Thành Phố Hồ Chí Minh	60.397.553.513	49.378.466.548
- Các khách hàng khác	254.296.785.542	277.869.056.951
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	57.269.519.795	133.572.042.132
TỔNG CỘNG	607.682.552.440	612.268.992.113
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.091.580.019)	(22.498.417.403)
GIÁ TRỊ THUẦN	575.590.972.421	589.770.574.710

Công ty đã sử dụng một phần giá trị khoản phải thu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	22.498.417.403	25.259.873.623
Dự phòng trích lập trong năm	9.593.162.616	-
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	-	(2.761.456.220)
Số cuối năm	<u>32.091.580.019</u>	<u>22.498.417.403</u>
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417
- Công ty TNHH TMDV Điện Tân Miền Nam	185.237.370	185.237.370
- Các công ty khác	12.645.816.232	3.052.653.616

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	18.591.500.000	-
RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	6.871.886.896
Các nhà cung cấp khác	<u>4.733.222.204</u>	<u>11.562.848.849</u>
TỔNG CỘNG	30.797.956.796	18.434.735.745
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi - RMM Metallhandel GMBH	<u>(7.473.234.592)</u>	<u>(4.810.320.827)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>23.324.722.204</u>	<u>13.624.414.918</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	4.810.320.827	4.810.320.827
Dự phòng trích lập trong năm	<u>2.662.913.765</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>7.473.234.592</u>	<u>4.810.320.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	362.375.575.631	321.787.736.532
Nguyên vật liệu	190.092.722.437	149.272.874.338
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.894.206.470	63.979.236.813
Công cụ, dụng cụ	2.662.866.403	665.703.991
Hàng hóa	1.147.812.679	891.222.240
Hàng gửi bán	259.989	-
TỔNG CỘNG	626.173.443.609	536.596.773.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.783.107.739)	(3.077.587.207)
GIÁ TRỊ THUẦN	613.390.335.870	533.519.186.707

Công ty đã sử dụng một phần giá trị hàng tồn kho này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.077.587.207	4.864.973.394
Dự phòng trích lập trong năm	17.069.604.890	-
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(7.364.084.358)	(1.787.386.187)
Số cuối năm	12.783.107.739	3.077.587.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	149.525.315.509	434.096.863.627	42.470.362.764	3.847.516.474	629.940.058.374
Chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	117.441.806.817	43.955.183.998	5.834.719.000	350.470.000	167.582.179.815
Mua mới trong năm	221.726.966	49.482.597.886	9.311.633.773	375.903.182	59.391.861.807
Thanh lý, nhượng bán	(250.066.953)	(4.413.634.098)	(971.740.717)	(401.436.843)	(6.036.878.611)
Số cuối năm	266.938.782.339	523.121.011.413	56.644.974.820	4.172.452.813	850.877.221.385
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	38.387.099.221	184.817.555.750	19.648.365.973	2.652.494.510	245.505.515.454
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(66.350.963.819)	(285.004.028.395)	(26.643.473.949)	(3.152.610.383)	(381.151.076.546)
Khấu hao trong năm	(7.863.142.581)	(34.474.720.660)	(4.719.304.907)	(418.089.972)	(47.475.258.120)
Thanh lý, nhượng bán	250.066.953	4.413.634.098	971.740.717	401.436.843	6.036.878.611
Số cuối năm	(73.964.039.447)	(315.065.114.957)	(30.391.038.139)	(3.169.263.512)	(422.589.456.055)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	83.174.351.690	149.092.835.232	15.826.888.815	694.906.091	248.788.981.828
Số cuối năm	192.974.742.892	208.055.896.456	26.253.936.681	1.003.189.301	428.287.765.330
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 19)</i>	36.664.419.449	6.309.665.950	-	-	42.974.085.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.116.285.959	1.124.776.940	55.241.062.899
Chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.912.202.192	2.912.202.192
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.124.776.940)	(1.124.776.940)
Số cuối năm	54.116.285.959	2.912.202.192	57.028.488.151
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(8.858.319.553)	(1.124.776.940)	(9.983.096.493)
Hao mòn trong năm	(1.019.825.724)	(388.293.624)	(1.408.119.348)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.124.776.940	1.124.776.940
Số cuối năm	(9.878.145.277)	(388.293.624)	(10.266.438.901)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.257.966.406	-	45.257.966.406
Số cuối năm	44.238.140.682	2.523.908.568	46.762.049.250
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 19)</i>	41.113.140.682	-	41.113.140.682

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án xây dựng tại 799 Kinh Dương Vương	127.243.482.364	127.243.482.364
Mua sắm, sửa chữa và nâng cấp máy móc thiết bị	18.663.496.927	8.291.300.517
Dự án Nhà máy Cáp điện Tân Phú Trung	3.802.882.215	87.341.965.142
Khác	650.901.000	3.356.624.504
TỔNG CỘNG	150.360.762.506	226.233.372.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (i)	400.000.000.000	105.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	4.879.874.312	5.139.874.312
TỔNG CỘNG	404.879.874.312	110.139.874.312
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(386.991.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	404.879.874.312	109.752.882.762

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc đầu tư	%	Giá gốc đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	300.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	100.000.000.000	100%	5.000.000.000	100%
TỔNG CỘNG	400.000.000.000		105.000.000.000	

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3603058326 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 6 năm 2013 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất dây cáp điện, cáp viễn thông; sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện; sản xuất, buôn bán các sản phẩm từ kim loại (đồng, nhôm).

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0107408296 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 4 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là bán buôn dây cáp điện, khí cụ điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.178.670.000	2.178.670.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	1.020.000.000	1.020.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Điện Cơ	124.193.011	124.193.011
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	-	260.000.000
TỔNG CỘNG	4.879.874.312	5.139.874.312
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	(386.991.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.879.874.312	4.752.882.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	7.899.774.584	3.170.669.375
Chi phí thử nghiệm	3.403.505.000	-
Công cụ, dụng cụ	3.165.226.488	1.094.142.272
Khác	1.331.043.096	2.076.527.103
Dài hạn	105.815.590.562	94.648.714.262
Tiền thuê đất	90.379.829.564	92.814.764.120
Công cụ, dụng cụ	6.648.898.707	1.784.322.726
Chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị	5.683.954.835	-
Khác	3.102.907.456	49.627.416
TỔNG CỘNG	113.715.365.146	97.819.383.637

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	165.152.394.448	107.668.352.179
Glencore International Ag	78.055.354.562	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu Khí Biển	33.978.011.027	-
LS Nikko Copper Inc	-	107.038.747.118
Khác	75.685.466.371	66.030.381.780
TỔNG CỘNG	352.871.226.408	280.737.481.077

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	20.410.219.655	1.340.000.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	17.181.900.000	5.202.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	11.094.529.543	3.070.000.000
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	9.408.678.790	-
Khác	11.499.067.643	10.735.960.233
TỔNG CỘNG	69.594.395.631	20.348.260.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.721.351.293	56.262.702.906	(57.894.052.974)	10.090.001.225
Thuế giá trị gia tăng	-	95.278.463.043	(92.040.043.680)	3.238.419.363
Thuế thu nhập cá nhân	965.456.577	11.539.999.600	(11.431.769.562)	1.073.686.615
Thuế khác	150.396.819	4.624.271.230	(3.125.741.676)	1.648.926.373
TỔNG CỘNG	12.837.204.689	167.705.436.779	(164.491.607.892)	16.051.033.576

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Nhận ký quỹ và ký cược (*)	204.252.440.287	216.425.263.848
Cổ tức phải trả	3.805.877.950	2.765.385.450
Chi phí phải trả khác	803.507.879	1.920.976.951
TỔNG CỘNG	208.861.826.116	221.111.626.249

(*) Đây là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng cho các hợp đồng bán sản phẩm và được chi trả lãi tối đa 9.6%/năm.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Số dư này thể hiện khoản dự phòng bảo hành sản phẩm tại ngày lập báo cáo tài chính (Thuyết minh số 3.11).

19. VAY

			VND
	Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)	Vay dài hạn (Thuyết minh số 19.2)	Tổng cộng
Số đầu năm	504.367.473.797	96.754.591.005	601.122.064.802
Tăng trong năm	2.436.561.253.648	16.205.301.684	2.452.766.555.332
Giảm trong năm	(2.426.828.698.954)	(8.160.055.000)	(2.434.988.753.954)
Số cuối năm	514.100.028.491	104.799.837.689	618.899.866.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	514.100.028.491	490.174.784.797
Vay ngắn hạn từ đối tượng khác	-	14.192.689.000
TỔNG CỘNG	514.100.028.491	504.367.473.797

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất	Ngày	Hình thức đảm bảo	Mục đích
	VND	%/năm	đáo hạn		
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	157.044.655.130	4,8%	Ngày 28 tháng 2 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu hạn mức 2 triệu USD	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("TPHCM")	152.897.565.671	4,8%	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Tín chấp	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	119.963.342.664	4,8%	Ngày 5 tháng 3 năm 2018		
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	43.310.132.310	5,6%	Ngày 8 tháng 3 năm 2018		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Sở Giao Dịch 2	40.884.332.716	5,5%	Ngày 22 tháng 3 năm 2018		
TỔNG CỘNG	514.100.028.491				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	92.799.837.689	7% - 9%	Ngày 2 tháng 1 năm 2023	Công trình nhà xưởng gắn liền với đất tại Lô C2-4, đường N7, Khu công nghiệp ("KCN") Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TPHCM; máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư lần này và máy xoăn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện, Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thể và hạ thế"	Thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện - Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện" tại Lô C2-4, Đường N7, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TPHCM
Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh TPHCM	12.000.000.000	6,65%	Ngày 15 tháng 3 năm 2019	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hàng hóa có giá trị tương đương 24 tỷ đồng	Mua đất và nhà xưởng tại KCN Long Thành, Đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
TỔNG CỘNG	104.799.837.689				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Số đầu năm	288.000.000.000	43.234.340.000	82.602.015.668	189.754.658.123	603.591.013.791
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	223.791.839.375	223.791.839.375
Trích quỹ	-	-	25.511.046.866	(62.620.620.816)	(37.109.573.950)
Cổ tức công bố	-	-	-	(86.400.000.000)	(86.400.000.000)
Số cuối năm	<u>288.000.000.000</u>	<u>43.234.340.000</u>	<u>108.113.062.534</u>	<u>264.525.876.682</u>	<u>703.873.279.216</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Số đầu năm	288.000.000.000	43.234.340.000	108.113.062.534	264.525.876.682	703.873.279.216
Tăng vốn trong năm (i)	288.000.000.000	287.673.750.000	-	-	575.673.750.000
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	307.818.737.814	307.818.737.814
Trích quỹ	-	-	-	(44.092.939.117)	(44.092.939.117)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	(316.800.000.000)	(316.800.000.000)
Số cuối năm	<u>576.000.000.000</u>	<u>330.908.090.000</u>	<u>108.113.062.534</u>	<u>211.451.675.379</u>	<u>1.226.472.827.913</u>

(i) Vào ngày 9 tháng 3 năm 2017, Công ty đã hoàn tất chào bán 28.800.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với mức giá 20.000 VND/cổ phiếu theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và Giấy Chứng nhận số 76/GCN-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 288.000.000.000 VND lên 576.000.000.000 VND, và được phê duyệt theo GCNĐKDN thay đổi lần 6 vào ngày 19 tháng 6 năm 2017.

(ii) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền tại mức 35% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017. Vào ngày 19 tháng 10 năm 2017, Công ty đã chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Quyết định số 32/2017/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 9 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần	Sở hữu	Vốn cổ phần	Sở hữu
	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	459.436.480.000	79.8%	215.218.240.000	74.7%
Cổ đông khác	116.563.520.000	20.2%	72.781.760.000	25.3%
TỔNG CỘNG	576.000.000.000	100%	288.000.000.000	100%

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	288.000.000.000	288.000.000.000
Tăng trong năm	288.000.000.000	-
Số cuối năm	<u>576.000.000.000</u>	<u>288.000.000.000</u>

20.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	57.600.000	28.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	57.600.000	28.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.600.000	28.800.000

20.5 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố	(316.800.000.000)	(86.400.000.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(315.759.507.500)	(86.680.532.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng	5.544.627.926.339	4.452.674.594.950
Trong đó:		
Bán thành phẩm	5.069.401.485.976	4.083.889.617.623
Bán vật tư, phế liệu	400.652.185.532	353.502.902.540
Bán hàng hóa	70.114.224.507	12.280.540.010
Cung cấp dịch vụ	4.460.030.324	3.001.534.777
Các khoản giảm trừ doanh thu	(84.854.749.668)	(89.059.274.061)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(78.152.188.753)	(82.930.302.445)
Hàng bán bị trả lại	(6.702.560.915)	(6.128.971.616)
DOANH THU THUẦN	5.459.773.176.671	4.363.615.320.889
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	4.841.327.535.061	3.981.733.320.643
Doanh thu đối với bên liên quan	618.445.641.610	381.882.000.246

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	92.808.515.165	56.090.175.367
Lãi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	142.871.055	-
Khác	2.579.322.606	2.926.554.871
TỔNG CỘNG	95.530.708.826	59.016.730.238

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.486.539.109.004	3.541.399.952.354
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	394.270.172.228	361.711.641.469
Giá vốn của hàng hóa đã bán	66.117.956.074	16.970.825.594
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.145.467.974	1.951.467.972
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	9.705.520.532	(1.787.386.187)
TỔNG CỘNG	4.958.778.225.812	3.920.246.501.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	28.742.015.969	23.316.904.551
Lãi ký quỹ (*)	19.007.751.191	20.163.200.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.702.311.154	4.429.779.480
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(386.991.550)	(148.150.250)
Khác	-	12.600.000
TỔNG CỘNG	50.065.086.764	47.774.334.277

(*) Lãi ký quỹ được chi trả cho các đại lý tối đa 9.6%/năm.

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.350.860.922	35.940.285.928
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	19.843.092.353	21.351.721.180
Chi phí nhân viên	13.630.459.692	5.827.646.084
Chi phí bảo hành	2.252.728.712	3.516.095.502
Chi phí khác	270.474.567	220.981.395
TỔNG CỘNG	70.347.616.246	66.856.730.089

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	42.497.903.229	42.516.680.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.665.346.319	13.759.333.261
Chi phí dự phòng (hoàn nhập chi phí dự phòng)	12.256.076.381	(2.761.456.220)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.656.860.589	3.588.165.323
Chi phí khác	42.036.922.127	41.145.730.040
TỔNG CỘNG	114.113.108.645	98.248.453.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.889.918.178.292	3.597.078.015.751
Chi phí nhân viên	175.708.374.702	163.277.210.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.307.494.801	56.708.333.395
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	48.883.377.468	40.227.956.335
Chi phí khác	119.843.920.008	82.933.520.349
TỔNG CỘNG	5.289.661.345.271	3.940.225.035.840

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") tại mức thuế suất phổ thông 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.209.808.918	46.489.354.454
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	307.471.584	753.107.235
TỔNG CỘNG	56.517.280.502	47.242.461.689

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	364.336.018.316	271.034.301.064
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	72.867.203.663	54.206.860.213
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.211.779.872	4.253.636.549
Thu nhập cố tức miễn thuế	(18.561.703.033)	(11.218.035.073)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	56.517.280.502	47.242.461.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	1.518.059.927.333	430.792.673.254
		Cổ tức đã trả	236.740.064.000	56.165.472.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	107.452.375.165	64.791.671.050
		Mua nguyên vật liệu	123.686.442.869	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm	304.307.054.288	256.607.504.834
		Góp vốn	95.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, thành phẩm và sử dụng dịch vụ gia công kéo đồng	337.928.273.997	209.651.168.875
		Góp vốn	200.000.000.000	-
		Bán nguyên vật liệu	173.729.550.467	55.210.793.500
		Cổ tức được chia	92.509.692.365	54.508.737.367
		Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	15.000.000.000	25.000.000.000
		Cho thuê máy móc	2.232.000.000	2.232.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	66.919.115.856	157.621.950.157
		Bán thành phẩm	32.533.182.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gelex	Công ty liên quan	Dịch vụ xây dựng	15.003.227.273	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	4.931.545.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm	43.190.522.520	113.425.163.112
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Bán nguyên vật liệu và cho thuê máy móc	8.707.438.177	8.754.118.236
		Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	-	2.304.543.057
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	5.371.559.098	9.088.217.727
			57.269.519.795	133.572.042.132
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán hàng hóa	9.408.678.790	-
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gelex	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	3.591.500.000	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	15.000.000.000	-
			18.591.500.000	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	132.654.183.493	81.305.811.033
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	24.469.820.418	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	4.334.507.144	7.699.463.014
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	3.693.883.393	18.663.078.132
			165.152.394.448	107.668.352.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	6.631.794.560	5.877.777.166

29. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng năm nay theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	622.100.645.944	(9.831.653.831)	612.268.992.113
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	635.515.856	(228.577.501)	406.938.355
Chi phí phải trả ngắn hạn	18.645.036.509	(9.213.692.194)	9.431.344.315
Phải trả ngắn hạn khác	221.729.587.886	(617.961.637)	221.111.626.249
Dự phòng phải trả ngắn hạn	36.163.463.023	(16.952.256.283)	19.211.206.740
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	228.577.501	(228.577.501)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	16.952.256.283	16.952.256.283
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Tăng (giảm) các khoản phải trả	(126.935.320.599)	10.176.839.490	(116.758.481.109)
Các khoản điều chỉnh khác	10.176.839.490	(10.176.839.490)	-

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	261.563,49	531.147,04
- Đồng Euro (EUR)	581,48	585,48

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo



Nguyễn Chí Đức
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng



Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

PHỤ LỤC 1:

GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trình bày kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế là 364,336 tỷ đồng cho thấy có biến động tăng 93,3 tỷ đồng (tương ứng tăng 34,4%) so với kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế của cùng kỳ kế toán năm 2016 (trị giá là 271,034 tỷ đồng). Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành, Nhóm Công ty xin giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận như sau:

- Doanh thu thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng 1.096 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016 (tương ứng tăng 25,12%); và
- Tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3,38%, giảm so với tỷ trọng thực hiện cùng kỳ năm 2016 là 3,78%.



Nguyễn Chí Đức
Người lập

Ngày 2 tháng 3 năm 2018



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc